

PHẦN I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1945 - 2000)
CHƯƠNG I. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CTTG II
(1945 - 1949)

Bài 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CTTG II (1945 - 1949)

I. HỘI NGHỊ IANTA (2/1945) VÀ NHỮNG THỎA THUẬN CỦA 3 CƯỜNG QUỐC

1. Hoàn cảnh LS:

- Đầu năm 1945, CTTG II sắp kết thúc, nhiều vấn đề đặt ra cho các nước Đồng minh:
- + nhanh chóng đánh bại PX
- + tổ chức lại TG sau chiến tranh
- + phân chia thành quả chiến thắng
- Từ 4→11/2/1945, Liên Xô-Mĩ-Anh họp tại Ianta (LX) quyết định:

2. Nội dung HN:

- Tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và CN quân phiệt Nhật, nhanh chóng kết thúc chiến tranh. LX sẽ tham chiến chống Nhật ở châu Á.
- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình và an ninh TG.
- Thỏa thuận việc đóng quân ở các nước và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

3. Ý nghĩa:

- Những quyết định của HN Ianta cùng những thỏa thuận sau đó đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới, thường được gọi là “trật tự hai cực Ianta”.

II. SỰ THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

1. Hoàn cảnh LS:

- 25/4→26/6/1945, đại biểu 50 nước họp tại Xan Phranxixcô (Mĩ), thông qua *Hiến chương* và tuyên bố thành lập tổ chức Liên hợp quốc.
- 24/10/1945 Hiến chương có hiệu lực và cũng là ngày kỉ niệm thành lập Liên hợp quốc.

2. Mục đích:

- Duy trì hòa bình và an ninh TG.
- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc.

3. Nguyên tắc hoạt động:

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước.
- Giải quyết tranh chấp quốc tế = biện pháp hòa bình.
- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (LX, Mĩ, A, P, TQ).

4. Vai trò:

- Là diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh nhằm duy trì hòa bình và an ninh TG.
- Giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột ở nhiều khu vực.
- Phát triển mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, ...
- 2006 LHQ có 192 thành viên; 9/1977 VN là thành viên thứ 149 của LHQ; 16/10/2007 Đại hội đồng LHQ đã bầu VN làm ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an, nhiệm kì 2008 – 2009.

CHƯƠNG II. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)**LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)****Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991)****LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)****I. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 → GIỮA NHỮNG NĂM 70****1. Liên Xô từ 1945 → giữa những năm 70****a. Công cuộc khôi phục kinh tế (1945 – 1950):**

- Chịu tổn thất nặng nề nhất do CTTG II (≈27 triệu người chết, nhiều thành phố, làng mạc, xí nghiệp bị tàn phá).
- Các nước tư bản bao vây kinh tế, cô lập chính trị.
- Với tinh thần tự lực, tự cường LX đã hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) trong 4 năm 3 tháng:
 - + 1950 sản lượng CN tăng 73%
 - + 1950 nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh
 - + KH-KT: 1949 chế tạo thành công bom nguyên tử, phá thế độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ.

b. LX từ 1950 → giữa những năm 70:

- CN: là cường quốc CN thứ 2 TG (sau Mỹ). Đi đầu trong CN vũ trụ và CN điện hạt nhân.
- NN: sản lượng tăng 16%/năm.
- KH-KT:
 - + 1957 là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo
 - + 1961 phóng tàu vũ trụ đưa nhà du hành Gagarin bay vòng quanh Trái Đất, mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ
 - XH: công nhân chiếm >55% người lao động, trình độ học vấn của nhân dân được nâng cao → thể hiện tính ưu việt của CNXH.
 - Đối ngoại: thực hiện chính sách bảo vệ hòa bình TG, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc và giúp đỡ các nước XHCN.

2. Nguyên nhân sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu

- Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, cơ chế quan liêu bao cấp, thiếu dân chủ.
 - Không bắt kịp bước phát triển của KH-KT tiên tiến.
 - Phạm nhiều sai lầm khi cải tổ.
 - Sự chống phá của các thế lực thù địch (ở trong và ngoài nước).
- ⇒ Đây chỉ là sự sụp đổ của 1 mô hình XHCN chưa khoa học và là 1 bước lùi tạm thời của CNXH.

II. LIÊN BANG NGA TỪ NĂM 1991 – 2000

LBN là quốc gia kế thừa địa vị pháp lí của LX trong quan hệ quốc tế:

- Về kinh tế:

- + 1990-1995, tăng trưởng bình quân luôn là số âm
- + 1996-2000, bắt đầu có tín hiệu phục hồi (năm 2000 là 9%)

- Về chính trị: 12/1993, Hiến pháp LBN được ban hành, qui định thể chế Tổng thống.**- Về đối nội:** tình hình trong nước không ổn định do sự tranh chấp giữa các đảng phái, xung đột sắc tộc.**- Về đối ngoại:**

- + ngả về phương Tây → hi vọng nhận được sự ủng hộ về chính trị, viện trợ về kinh tế
- + khôi phục và phát triển các mối quan hệ với châu Á

*** Từ năm 2000:**

- + KT: hồi phục và phát triển
- + chính trị, xh: ổn định
- + vị thế quốc tế được nâng cao

CHƯƠNG III. CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LATINH (1945 – 2000)**Bài 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á****I. NÉT CHUNG VỀ KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á**

- Là khu vực rộng lớn & đông dân nhất TG.
- Trước CTTG 2: là thuộc địa của thực dân (trừ NB).
- Sau 1945, có nhiều chuyển biến:
 - + 10/1949: nước CHND Trung Hoa ra đời.
 - + Triều Tiên bị chia cắt thành: Hàn Quốc & CHDCND Triều Tiên.
- Từ nửa sau TK XX: kinh tế phát triển
 - + Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan là “con rồng Châu Á”.
 - + NB có nền kinh tế lớn thứ 2 TG.
 - + TQ tăng trưởng kinh tế cao nhất TG.

II. TRUNG QUỐC**1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa**

- 1946 – 1949: nội chiến giữa Quốc dân Đảng & Đảng Cộng sản TQ.
- KQ:
 - + ĐCS TQ giành thắng lợi.
 - + 1/10/1949: CHND Trung Hoa ra đời.
- Ý nghĩa:
 - + hoàn thành CM dân tộc dân chủ.
 - + chấm dứt 100 năm nô dịch, thống trị của đế quốc, xóa bỏ tàn dư phong kiến.
 - + mở ra kỉ nguyên độc lập, tiến lên CNXH.
 - + ảnh hưởng phong trào giải phóng dân tộc TG.

2. Công cuộc cải cách – mở cửa TQ (từ năm 1978)

- 12/1978: ĐCS TQ đề ra đường lối đổi mới.
- Nội dung:
 - + lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.
 - + tiến hành cải cách & mở cửa.
- Mục tiêu:
 - + hiện đại hóa & xây dựng CNHX đặc sắc TQ.
 - + biến TQ thành quốc gia giàu mạnh, văn minh.
- Thành tựu:
 - + kinh tế: tăng trưởng kt cao, năm 2000 GDP đạt 1080 tỉ USD.
 - + KH-KT: thử thành công bom nguyên tử, phóng thành công tàu vũ trụ.
 - + văn hóa, giáo dục: ngày càng phát triển.
 - + đối ngoại:
 - ✓ Bình thường hóa quan hệ với LX, Mông Cổ, VN.
 - ✓ Mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều nước trên TG.
 - ✓ Thu hồi chủ quyền với Hồng Kông và Ma Cao.

Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ**I. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á****1. Sự hình thành các quốc gia độc lập sau CTTG II****a. Khái quát về quá trình đấu tranh giành độc lập**

- Trước CTTG II: là thuộc địa của chủ nghĩa thực dân (trừ Thái Lan).
- Trong CTTG II: là thuộc địa của Nhật Bản.
- 8/1945: Nhật đầu hàng Đồng minh, các nước nổi dậy giành chính quyền (Indônêxia, VN, Lào).
- Ngay sau đó, thực dân Âu - Mĩ quay trở lại chiếm ĐNA → tiếp tục kháng chiến:

- + VN, Lào, CPC đánh Pháp (1954), Mĩ (1975)
- + 1950: Cộng hòa Indônêxia ra đời
- + Mĩ - Anh công nhận độc lập của Philippin, Miến Điện, ...
- 1/1984: Brunây tuyên bố độc lập.
- 5/2002: Đông Timo tuyên bố độc lập.
- Sau độc lập: phát triển KT - XH, đạt nhiều thành tựu, Singapo trở thành NIC.

b. Lào (1945 - 1975) (hs lập bằng các gđ chính của CM Lào + CPC)

- * 1945 - 1954: chống Nhật & kháng chiến chống Pháp
- 8/1945: Lào nổi dậy giành chính quyền.
- 10/1945: Lào tuyên bố độc lập.
- 3/1946: Pháp trở lại xâm lược Lào.
- Dưới sự lãnh đạo của ĐCS Đông Dương + giúp đỡ của VN → kháng chiến phát triển.
- 7/1954: Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền của Lào.
- * 1954 - 1975: chống Mĩ
- Mĩ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Lào.
- 1955: Đảng Nhân dân Lào ra đời → lãnh đạo kháng chiến.
- 1973: kí Hiệp định Viêng Chăn → lập lại hòa bình ở Lào.
- 5 → 12/1975: nổi dậy giành chính quyền.
- 2/12/1975: nước CHDCND Lào ra đời.

c. Campuchia (1945 - 1993)

- * 1945 - 1954: chống Pháp
- 10/1945: Pháp trở lại xâm lược Campuchia.
- 1951: Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia lãnh đạo kháng chiến.
- 1953: Pháp kí hiệp ước trao trả độc lập cho Campuchia.
- 7/1954: Pháp kí Hiệp định Giơnevơ công nhận độc lập, chủ quyền của CPC.
- * 1954 - 1970: hòa bình, trung lập
- * 1970 - 1975: chống Mĩ
- 3/1970: Mĩ lật đổ Xi-hanúc (CPC trở thành thuộc địa kiểu mới của Mĩ) → kháng chiến chống Mĩ bắt đầu.
- 17/4/1975: Phnôm Pênh được giải phóng → kháng chiến chống Mĩ kết thúc.
- * 1975 - 1979: chống Khmer đỏ
- Tập đoàn Khmer đỏ (Pôn Pốt) thi hành chính sách diệt chủng.
- 7/1/1979: Khmer đỏ bị lật đổ → Cộng hòa Nhân dân Campuchia ra đời.
- * 1979 - 1993:
- Nội chiến giữa Đảng Nhân dân Cách mạng với Khmer đỏ.
- 10/1991: Hiệp định hòa bình về Campuchia được kí kết.
- 1993: Vương quốc CPC được thành lập.]

2. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN

a. Hoàn cảnh ra đời:

- Sau độc lập, các nước ĐNA thấy cần hợp tác để cùng phát triển.
- Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài.
- 8/8/1967: ASEAN ra đời tại Băng Cốc (Thái Lan) với 5 nước thành viên (Indônêxia, Malaixia, Singapo, Thái Lan, Philippin).

b. Mục tiêu:

- Phát triển kinh tế & văn hóa.
- Duy trì hòa bình & ổn định khu vực.

c. Nguyên tắc: Hiệp ước Bali (2/1976) xác định những nguyên tắc cơ bản

- Tôn trọng chủ quyền & toàn vẹn lãnh thổ.

- Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa = vũ lực.
- Giải quyết các tranh chấp = biện pháp hòa bình.
- Hợp tác phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội.

d. Quá trình phát triển:

- 1967-1975: tổ chức còn non yếu,
- củng cố & phát triển từ sau Hiệp ước Bali 2/1976; nhất là từ sau khi “vấn đề CPC” được giải quyết.
- ASEAN không ngừng mở rộng thành viên:
 - + Brunây 1984
 - + VN 1995
 - + Lào & Mianma 1997
 - + CPC 1999
- 1999 phát triển thành 10 nước thành viên.
- 11/2007: “Hiến chương ASEAN” được kí kết nhằm xây dựng cộng đồng ASEAN vững mạnh.

II. ẤN ĐỘ

1. Cuộc đấu tranh giành độc lập

- Sau CTTG II, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, cuộc đấu tranh chống thực dân Anh phát triển.
- 1947 thực dân Anh buộc phải trao quyền tự trị nhưng theo “phương án Maobotton”
- chia đất nước thành 2 quốc gia trên cơ sở tôn giáo:
 - + Ấn Độ của người Ấn Độ giáo,
 - + Pakixtan của người Hồi giáo.
- không thỏa mãn với quy chế tự trị, nhân dân tiếp tục đấu tranh.
- 26/1/1950: Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước Cộng hòa.

*** Ý nghĩa:**

- + đánh dấu thắng lợi của nhân dân Ấn Độ,
- + ảnh hưởng đến phong trào giải phóng dân tộc trên TG.

2. Công cuộc xây dựng đất nước

- Nông nghiệp:
 - + tiến hành “CM xanh”,
 - + tự túc về lương thực,
 - + xuất khẩu gạo đứng thứ 3 TG (1995).
- CN: phát triển công nghiệp nặng, chế tạo máy, điện hạt nhân, đứng thứ 10 TG về công nghiệp.
- KH - KT: cuộc “CM chất xám” → đưa Ấn Độ thành cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ (thử thành công bom nguyên tử, phóng vệ tinh nhân tạo).
- Đối ngoại:
 - + theo chính sách hòa bình, trung lập tích cực,
 - + ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên TG,
 - + 1972 thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Bài 5. CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MỸ LATINH

1. Châu Phi

- Sau CTTG II, phong trào đấu tranh giành độc lập phát triển mạnh mẽ: bùng nổ đầu tiên ở Bắc Phi
- lan ra các khu vực khác.
- Mở đầu là cuộc binh biến ở Ai Cập → nước Cộng hòa Ai Cập ra đời (1953).
- 1960, gọi là “**Năm châu Phi**” với 17 nước giành độc lập.
- 1975, thắng lợi của Ănggôla, Môdămbích → chủ nghĩa thực dân cũ cùng hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã.
- Sau 1975, các thuộc địa còn lại giành được độc lập: Mamibia, ...

- Tại Nam Phi:
- + 1993, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.
- + 1994, Nenzon Mandela là Tổng thống người da đen đầu tiên của Cộng hòa Nam Phi → chủ nghĩa thực dân cũ hoàn toàn sụp đổ.
- (* suy luận: khó khăn hiện nay là bùng nổ dân số, nghèo đói, bệnh tật, nợ nước ngoài, xung đột sắc tộc, ...)

2. Mĩ Latinh

- Đầu TK XIX:
- + nhiều nước giành được độc lập,
- + sau đó lệ thuộc vào Mĩ.
- Mĩ âm mưu biến Mĩ Latinh thành “sân sau” của mình & thiết lập chế độ độc tài.
- Sau CTTG II:
- + phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài diễn ra mạnh mẽ,
- + tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cuba (1959) → lá cờ đầu của phong trào ở Mĩ Latinh.
- 1960 - 1970: phong trào đấu tranh phát triển
- + 13 quốc gia vùng Caribê lần lượt giành độc lập.
- + thu hồi chủ quyền kênh đào Panama.
- Hình thức đấu tranh phong phú:
 - + bãi công, nổi dậy,
 - + đấu tranh nghị trường,
 - + đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ.
 - biến Mĩ Latinh thành “*Lục địa bùng cháy*”.
- Kết quả:
- + chính quyền độc tài ở nhiều nước Mĩ Latinh bị lật đổ.
- + các chính phủ dân tộc dân chủ được thành lập.

Bài 6. NƯỚC MĨ

1. Kinh tế

a. 1945 - 1973:

- Sau CTTG II, kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ (giàu mạnh nhất TG → vì Mĩ có thực lực kinh tế - quân sự).
- + công nghiệp: chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn TG,
- + nông nghiệp: sản lượng nông nghiệp = 2 lần 5 nước Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Ý, Nhật Bản cộng lại,
- + năm hơn 50% tàu bè đi lại trên biển,
- + nắm ¾ dự trữ vàng của TG.
- 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm KINH TẾ - TÀI CHÍNH lớn nhất TG.
- * Nguyên nhân phát triển:
- + lãnh thổ rộng, tài nguyên phong phú, nhân lực dồi dào, ...
- + lợi dụng chiến tranh để làm giàu, buôn bán vũ khí.
- + Áp dụng thành tựu KH - KT → nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất.
- + khả năng cạnh tranh lớn và có hiệu quả.
- + sự điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

b. 1973 - 1991:

- 1973 - 1982: kinh tế ảnh hưởng, suy thoái.
- 1983: kinh tế phục hồi & phát triển trở lại.

- vẫn đứng đầu TG về KINH TẾ - TÀI CHÍNH → nhưng tỉ trọng (của nền kinh tế Mỹ trong nền kinh tế TG) đã giảm sút.

⇒ Nguyên nhân giảm sút: 1973 - 1991 kinh tế Mỹ suy giảm vì sự đổi đầu Xô - Mỹ kéo dài.

c. 1991 - 2000:

- đứng đầu TG, chiếm 25% giá trị tổng sản phẩm TG.

- chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế (WTO, WB, IMF, ...)

2. Khoa học kĩ thuật

- là nước khởi đầu cuộc cách mạng KH - KT hiện đại và đạt nhiều thành tựu.

- đi đầu: chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chinh phục vũ trụ, “cách mạng xanh”, ...

- chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của TG.

3. Đối ngoại

* Chiến lược toàn cầu (1945 - 1991/sau CTTG II):

- Tham vọng làm bá chủ TG.

- Mục tiêu:

+ ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ CNXH,

+ đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào hòa bình TG,

+ khống chế, chi phối các nước đồng minh phụ thuộc Mỹ.

- Biện pháp:

+ khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh.

+ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra các cuộc xâm lược, bạo loạn, lật đổ. (ví dụ: ở VN)

+ hòa hoãn với Trung Quốc & Liên Xô → chống lại phong trào cách mạng TG.

- 12/1989, Mỹ & Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

* Chiến lược “Cam kết & mở rộng” (1991 - 2000/B.Cinton):

- 3 mục tiêu (nội dung):

+ bảo đảm an ninh, sẵn sàng chiến đấu.

+ tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động & sức mạnh của nền kinh tế Mỹ.

+ dùng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” → can thiệp vào nội bộ nước khác.

- Trật tự Ianta sụp đổ, Mỹ muốn thiết lập Trật tự TG “đơn cực”.

- Sau khủng bố 11/9/2001 → thay đổi chính sách đối nội, đối ngoại.

- 7/1995, Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Bài 7. TÂY ÂU

1. Tây Âu

<u>Giai đoạn</u>	<u>KINH TẾ</u>	<u>ĐỐI NGOẠI</u>
1945-1950	- CTTG II để lại nhiều hậu quả nặng nề - 1950, KT Tây Âu được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh (viện trợ của Mỹ = kế hoạch Mác san)	- Liên minh chặt chẽ với Mỹ (tham gia vào NATO) - tìm cách trở lại xâm lược các thuộc địa
1950-1973	- ↑ nhanh - trở thành 1 trong 3 trung tâm KT-tài chính TG * <u>Nguyên nhân</u> ↑: + áp dụng thành tựu của CMKH-KT hiện đại* + vai trò quản lí, điều tiết của nhà nước	- tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ - mở rộng quan hệ đối ngoại, thoát khỏi sự lệ thuộc Mỹ

	+ tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài + sự hợp tác có hiệu quả trong cộng đồng châu Âu (EC) (nguồn nhân lực dồi dào, kỹ thuật cao → nhân tố quan trọng)	
1973-1991	- suy thoái, khủng hoảng - gặp phải sự cạnh tranh của Mỹ, Nhật Bản, NICs	- theo xu thế hòa hoãn: + 1972 Đông Đức và Tây Đức ký hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa 2 nước + 1975 Tây Âu ký “Định ước Henxinki” về an ninh và hợp tác châu Âu + 1990 nước Đức thống nhất (hệ quả của CTL)
1991-2000	- trải qua 1 đợt suy thoái ngắn → 1994-2000 phục hồi và ↑; vẫn là 1 trong 3 TTKT-TC lớn nhất TG - chiếm 1/3 tổng SP công nghiệp TG	- mở rộng quan hệ với các nước đang ↑ ở Á, Phi, MLT, Đông Âu

2. Liên minh châu Âu (EU)

a. Sự thành lập:

- 1951, 6 nước (Pháp, CHLB Đức (Tây Đức), Ý, Bỉ, Hà Lan, Lucxămbua) thành lập “Cộng đồng than-thép châu Âu”.
- 1957, thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” & “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC).
- 1967, 3 tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC).
- 1991, ký Hiệp ước Maxtrích → 1993 đổi tên thành “*Liên minh châu Âu*” (EU).
(→ suy luận: 6 nước T/Á thành lập các liên kết kinh tế nhằm thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ)

b. Mục đích: hợp tác liên minh trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, tiền tệ, đối ngoại và an ninh chung.

c. Phát triển:

- 1979, bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên.
 - 1990, quan hệ EU-VN được thiết lập.
 - 1993 có 15 nước thành viên, 2007 có 27 nước t/viên.
 - 2002 đồng tiền chung EURO chính thức được sử dụng.
- ⇒ Cuối thập niên 90, EU là t/c liên kết chính trị-kinh tế lớn nhất hành tinh (chiếm ¼ GDP TG, có trình độ KH-KT tiên tiến).
(→ suy luận: EU trở thành 1 cực trong xu thế đa cực mà TG đang hình thành)

Bài 8. NHẬT BẢN

1. Kinh tế

a. 1945-1952:

- Bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế suy sụp, bị Mỹ chiếm đóng (Mỹ với danh nghĩa lực lượng Đồng minh)
- thực hiện 3 cải cách lớn:
+ thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế
+ cải cách ruộng đất
+ dân chủ hóa lao động
- 1950-1951, k/t được phục hồi (do nỗ lực của bản thân + sự hỗ trợ của Mỹ)

b. 1952-1973:

- từ năm 1952 k/t ↑ nhanh.
- 1960-1973: là giai đoạn ↑ “THẦN KÌ”

- + tốc độ tăng trưởng 10,8% (1960-1969)
- + 1968 đứng thứ 2 trong TG TB (sau Mỹ)
- đầu những năm 70, trở thành 1 trong 3 TT KT-TC lớn của TG.

*** Nguyên nhân ↑:**

+ **con người là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu ***

- + vai trò lãnh đạo, quản lý có hiệu quả của nhà nước
- + các công ty năng động, có tầm nhìn xa, cạnh tranh cao
- + áp dụng thành tựu KH-KT
- + chi phí quốc phòng thấp
- + tận dụng tốt yếu tố bên ngoài để ↑

*** Hạn chế:**

- + lãnh thổ hẹp, nghèo tài nguyên (nhất là k/sản) → phụ thuộc nguyên, nhiên liệu nhập từ bên ngoài, thiên tai
- + cơ cấu k/tế (vùng/ngành) thiếu cân đối
- + bị Mỹ, Tây Âu, NICs, TQ cạnh tranh...

c. 1973-1991:

- từ 1973: khủng hoảng, suy thoái ngắn
- nửa sau những năm 80: trở thành siêu cường tài chính số 1 TG

d. 1991-2000: suy thoái, vẫn là 1 trong 3 TT KT-TC lớn của TG

2. KH - KT

- coi trọng *giáo dục* và KH-KT, mua bằng phát minh sáng chế
- tập trung vào s/x ứng dụng dân dụng, đạt nhiều thành tựu (tivi, tủ lạnh, oto...)
- 1991-2000: ↑cao, hợp tác có hiệu quả với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ q/tế.

3. Đối ngoại

- Liên minh chặt chẽ với Mỹ = *Hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật* 1951 → chính sách xuyên suốt của NB.
- 1945-1952: cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ NB.
- 1952-1973: 1956 bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô và gia nhập LHQ.
- 1973-1991:
 - + tăng cường quan hệ với các nước ĐNA và ASEAN
 - + thiết lập quan hệ ngoại giao với VN (1973)
- 1991-2000:
 - + coi trọng quan hệ với Tây Âu
 - + mở rộng hoạt động đối ngoại, chú trọng mối quan hệ với các nước ĐNA.

CHƯƠNG V. QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945 – 2000)

Bài 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

1. Chiến tranh lạnh bắt đầu

Sau CTTG II, quan hệ Mỹ-LX (trước đó là đồng minh) chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng “CTL”

(→ là tình trạng đối đầu căng thẳng giữa 2 phe: TBCN & XHCN, diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực, không xung đột trực tiếp bằng quân sự)

a. Nguyên nhân: chủ yếu là do sự đối lập về mục tiêu & chiến lược

- LX:

- + chủ trương duy trì hòa bình, an ninh TG
- + bảo vệ thành quả của CNXH
- + đẩy mạnh PTCTMTG

- Mỹ:

- + chống LX & các nước XHCN (lo ngại ảnh hưởng của LX, Đông Âu, TQ)

+ đẩy lùi PTCMTG

+ âm mưu làm bá chủ TG (Mĩ là nước giàu mạnh nhất, nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử → nên tự cho mình quyền lãnh đạo TG)

b. Sự khởi đầu CTL:

*** Mĩ:**

- 3/1947: “học thuyết Truman” (khẳng định: sự tồn tại của LX là nguy cơ lớn đối với Mĩ)
→ gây nên CTL.

- 6/1947: “kế hoạch Mácsan” ra đời

(+ viện trợ giúp Tây Âu khôi phục k/tế

+ lôi kéo Tây Âu chống LX, Đông Âu

+ tạo sự đối lập về KT-CT giữa Đông Âu & Tây Âu)

- 1949, thành lập khối NATO (tổ chức quân sự Bắc Đại Tây Dương) → chống LX, Đông Âu.

*** LX & Đông Âu:**

- 1949, lập “Hội đồng tương trợ kinh tế” (SEV).

- 1955, lập tổ chức Vácsava (liên minh chính trị - quân sự).

⇒ Sự ra đời của NATO & Vácsava đã đánh dấu sự xác lập của cục diện 2 cực, 2 phe. CTL bao trùm cả TG.

2. Chiến tranh lạnh chấm dứt

- Đầu những năm 70 của TK XX, xu thế hòa hoãn Đông-Tây xuất hiện (với những cuộc gặp gỡ thương lượng giữa LX-Mĩ)

- Biểu hiện:

+ 1972 Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết

+ Hiệp ước ABM (về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa), Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT-1) được kí kết giữa Mĩ & LX

+ 1975, Định ước Henxinki về an ninh & hợp tác châu Âu được kí kết

- 12/1989, LX & Mĩ tuyên bố chấm dứt CTL.

*** Nguyên nhân chấm dứt CTL:**

+ chạy đua vũ trang → giảm thế mạnh của LX & Mĩ

+ sự vươn lên của NB & Tây Âu, ... (TQ, NICs...)

+ kinh tế LX trì trệ, khủng hoảng

* **Ý nghĩa:** CTL chấm dứt mở ra chiều hướng giải quyết hòa bình các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực trên TG (như Apganixtan, CPC, Namibia,...)

BÀI 10. CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

1. Cách mạng khoa học – công nghệ

a. Nguồn gốc và đặc điểm:

*** Nguồn gốc:**

- Do những đòi hỏi của cuộc sống, nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

- Sự bùng nổ dân số, sự vơi cạn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

*** Đặc điểm:**

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. *

- Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

- KH trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ về kĩ thuật và công nghệ.

*** Các giai đoạn phát triển:**

- Giai đoạn 1: từ những năm 40 đến nửa đầu những năm 70 của TK XX.

- Giai đoạn 2: từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng 1973 đến nay. (gọi là CMKH – CN)

b. Tác động:*** Tích cực:**

- Tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống & chất lượng cuộc sống của con người.
- Thay đổi cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo.
- Thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa.

*** Hạn chế:**

- Ô nhiễm môi trường.
- Tai nạn lao động và giao thông.
- Dịch bệnh, vũ khí hủy diệt, ...

2. Xu thế toàn cầu hóa

Hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học – công nghệ: từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, nhất là sau chiến tranh lạnh, đã xuất hiện xu thế toàn cầu hóa.

a. Bản chất: Là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

b. Biểu hiện:

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
 - Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
 - Sự sáp nhập & hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
 - Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. (EU, WB, WTO, ASEAN, APEC, ...)
- Toàn cầu hóa là xu thế khách quan, không thể đảo ngược.

c. Tác động:*** Tích cực:**

- Thúc đẩy sự phát triển nhanh mạnh của lực lượng sản xuất, tăng trưởng kinh tế cao.
- Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế.
- Nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế.

*** Tiêu cực:**

- Làm trầm trọng thêm bất công xã hội, phân hóa giàu - nghèo.
- Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc, xâm phạm nền độc lập tự chủ.

⇒ Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với mỗi quốc gia, nhất là đối với các nước đang phát triển (trong đó có Việt Nam).

Bài 11. TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1945 - 2000)**I. NHỮNG NỘI DUNG CỦA LSTG SAU NĂM 1945**

1. Sự xác lập của “trật tự 2 cực Ianta”.
2. CNXH đã vượt ra khỏi phạm vi 1 nước, trở thành 1 hệ thống TG. (VN 1945, Trung Quốc 1949, Cuba 1959)
3. Sự phát triển mạnh của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh (→ làm sụp đổ hệ thống thuộc địa & chế độ phân biệt chủng tộc - Apartheid).
4. Nửa sau TK XX, hệ thống đế quốc chủ nghĩa có những chuyển biến quan trọng (Mĩ trở thành đế quốc giàu mạnh nhất, kinh tế các nước tư bản tăng trưởng, ...)
5. Sự đối đầu giữa 2 siêu cường → dẫn đến tình trạng “chiến tranh lạnh”.
6. Cuộc CM KH - công nghệ.

II. XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

1. TTTG mới đang hình thành theo hướng “đa cực”.
2. Các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm.
3. Quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
4. Ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến & xung đột.

5. Toàn cầu hóa đã trở thành 1 xu thế tất yếu.

⇒ Ngày nay, các nước vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức vô cùng gay gắt.

Phần hai. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1919 - 2000)

CHƯƠNG I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Bài 12. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM (1919 - 1925)

1. Chính sách khai thác thuộc địa lần thứ 2 của Pháp

a. Nguyên nhân:

- Sau CTTG I:
- + trật tự TG mới hình thành (trật tự Vécxai – Oasinhtơn)
- + tuy là nước thắng trận, nhưng Pháp bị thiệt hại nặng nề về kinh tế → P tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần hai ở Đông Dương.
- CMT10 Nga thắng lợi, nước Nga Xô Viết ra đời.
- Tình hình trên tác động mạnh đến kinh tế VN.

b. Chính sách khai thác:

*** Mục đích:**

- bù đắp thiệt hại sau chiến tranh
- khôi phục & củng cố lại địa vị kinh tế

*** Thời gian:** 1919 - 1929 (10 năm).

*** Quy mô:** lớn, tốc độ nhanh, vốn đầu tư tăng.

*** Nội dung:**

- **Nông nghiệp** *: **Pháp đầu tư nhiều nhất**, chủ yếu cho đồn điền cao su.
- **Công nghiệp**: Pháp mở mang các ngành công nghiệp như dệt, muối, chú trọng khai mỏ, chủ yếu là mỏ than.
- **Thương nghiệp**: ngoại thương ↑, giao lưu buôn bán nội địa được đẩy mạnh.
- **GTVT**: ↑, các đô thị được mở rộng.
- Ngân hàng Đông Dương: nắm quyền chỉ huy kinh tế Đông Dương.
- Tăng cường thu thuế: ngân sách Đông Dương 1930 tăng gấp 3 lần so với 1912.

c. Chuyển biến kinh tế - xã hội

*** Kinh tế:**

- có bước ↑ mới, có đầu tư kĩ thuật & nhân lực, song rất hạn chế.
- KT VN vẫn mất cân đối, lạc hậu, nghèo nàn, lệ thuộc chặt vào KT Pháp & là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp.

*** Xã hội:**

- Giai cấp địa chủ PK: tiếp tục bị phân hóa

- + Đại địa chủ: tay sai,
- + một bộ phận trung, tiểu địa chủ tham gia phong trào chống Pháp & tay sai.

- Giai cấp nông dân:

- + bị ĐQ, PK chiếm đoạt ruộng đất, bán cùng hóa;
- + mâu thuẫn với ĐQ, PK tay sai gay gắt;
- + là một lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.

- Giai cấp tư sản Việt Nam: có số lượng ít, bị tư bản Pháp chèn ép, thế lực KT yếu, dần dần phân hóa thành 2 bộ phận:

- + **Tư sản mại bản:** có quyền lợi gắn liền với ĐQ (nên cấu kết chặt chẽ với chúng).
- + **Tư sản dân tộc:** có khuynh hướng kinh doanh độc lập, ít nhiều có tinh thần dân tộc dân chủ.

- Giai cấp tiểu tư sản: phát triển nhanh về số lượng; có tinh thần chống Pháp & tay sai.

- Giai cấp công nhân:

- + ngày càng ↑ về số lượng;
- + bị tư sản, nhất là ĐQ thực dân áp bức, bóc lột nặng nề;
- + gắn bó với nông dân;
- + kế thừa truyền thống yêu nước;
- + sớm tiếp thu tư tưởng CMVS.

⇒ Nhanh chóng vươn lên thành lực lượng mạnh mẽ của PTGPDT theo khuynh hướng tiên tiến. Là giai cấp lãnh đạo CMVN.

* **Tóm lại:** Mâu thuẫn xã hội sâu sắc: chủ yếu là **mâu thuẫn dân tộc (mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp)**. Cuộc đấu tranh chống ĐQ & tay sai tiếp tục diễn ra gay gắt, phong phú.

2. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc

- Sau nhiều năm bôn ba, trở lại Pháp → 1919, gia nhập Đảng Xã hội Pháp.

- 6/1919, gửi tới Hội nghị Vecxai “**Bản yêu sách của nhân dân An Nam**” đòi quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng & quyền tự quyết của dân tộc VN.

- 1920:

+ đọc bản “**Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc & vấn đề thuộc địa**” của Lênin.

- ✓ khẳng định con đường giành độc lập là CMVS,
- ✓ đánh dấu Bác tìm thấy con đường cứu nước.

+ Dự Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp:

- ✓ tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản,
- ✓ tham gia sáng lập ĐCS Pháp → trở thành Đảng viên cộng sản.

- 1921 - 1922:

- + lập “**Hội liên hiệp thuộc địa**” ở Paris,
- + ra báo “**Người cùng khổ**”,
- + viết bài cho báo “**Nhân đạo**”, “**Đời sống công nhân**”...
- + viết cuốn “**Bản án chế độ thực dân Pháp**”.

- 6/1923, đến **Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế Nông dân**.

- 1924, dự Đại hội lần V của **Quốc tế Cộng sản**.

- 11/1924, về Quảng Châu (Trung Quốc)

- + đào tạo cán bộ; trực tiếp tuyên truyền, giáo dục lí luận,
- + xây dựng tổ chức cách mạng (giải phóng dân tộc cho nhân dân VN).
- 6/1925, thành lập “**Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên**” tại Quảng Châu (TQ).
- 1927, xuất bản tác phẩm “**Đường Kách mệnh**” của NAQ.

- 1930, triệu tập Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản lấy tên là **Đảng Cộng sản Việt Nam**.

(Suy luận:

1. Công lao đầu tiên của NAQ:

- ✓ Tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn.
- ✓ **Truyền bá** CN Mác – Lênin; chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức cho việc thành lập ĐCS VN.

2. Vai trò của NAQ đối với sự thành lập ĐCS VN?

- ✓ **Truyền bá** CN Mác - Lênin về VN; chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho việc thành lập ĐCS VN.
- ✓ **Thành lập** Hội VN Cách mạng Thanh niên.
- ✓ **Thống nhất** các tổ chức cộng sản thành ĐCS VN.
- ✓ **Sơ thảo** Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.)

Bài 13. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM **TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930**

1. Hội VN Cách mạng Thanh niên

a. Sự thành lập:

- Sau khi về Quảng Châu, NAQ mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng, lập **Cộng sản Đoàn 2/1925** (từ **Tâm tâm xã**).
- **6/1925**, NAQ lập **Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên** nhằm tổ chức & lãnh đạo quần chúng đoàn kết, đấu tranh đánh đổ ĐQ Pháp & tay sai.
- Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Tổng bộ.

b. Hoạt động:

- Mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cho CMVN.
- **21/6/1925**, ra **báo Thanh niên**.
- **1927**, xuất bản tác phẩm **Đường Kách mệnh**.
- Xây dựng cơ sở khắp cả nước & Xiêm.
- **7/1925**, lập **Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông**, để cùng làm cách mạng chống đế quốc.
- **1928**, Hội chủ trương **“vô sản hóa”**:
 - + tuyên truyền vận động CM
 - + nâng cao ý thức chính trị cho GCCN
- **PTCN vì thế càng ↑ mạnh**, trở thành nòng cốt của phong trào dân tộc trong cả nước, có sự liên kết thành phong trào chung.

c. Vai trò:

- **Truyền bá** CN Mác-Lênin (lí luận CM) vào VN.
- **Giác ngộ**, nâng cao ý thức chính trị cho GCCN, thúc đẩy PTCN ↑ mạnh sang gđ **đấu tranh tự giác**.
- **Chuẩn bị** về tổ chức, cán bộ cho sự ra đời của ĐCS VN.

2. Việt Nam Quốc dân đảng

a. Sự thành lập:

- **25/12/1927**, VN Quốc dân đảng được thành lập.
- Lực lượng lãnh đạo: **Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, ...**
- Hạt nhân: Nhà xuất bản Nam đồng thư xã.
- là tổ chức của **TS dân tộc VN**.

b. Chủ trương:

- Tư tưởng chính trị theo nguyên tắc: **“Tự do - Bình đẳng - Bác ái”**
- Mục tiêu:
 - + đánh đuổi giặc Pháp
 - + đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền
- Tiến hành CM=bạo lực
- Lực lượng chủ yếu: binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

c. Hoạt động:

- địa bàn hoạt động chủ yếu ở Bắc Kỳ.
- tổ chức ám sát tên **trùm mộ phu Badanh ở Hà Nội (2/1929)** → Pháp khủng bố dã man.
- tổ chức **KN ở Yên Bái (9/2/1930)** → thực hiện cuộc bạo động cuối cùng để **“không thành công cũng thành nhân!”**.
- KQ: thất bại.

*** Ý nghĩa:**

- + **Cổ vũ lòng yêu nước**, tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc VN.
- + **Chấm dứt vai trò của VN Quốc dân đảng** với tư cách là một chính đảng CM trong phong trào dân tộc.

3. Đảng Cộng sản VN (1930)**a. Sự xuất hiện các tổ chức cộng sản năm 1929:**

* **Hoàn cảnh:** 1929 phong trào dân tộc dân chủ ngày càng ↑.

* **Sự thành lập các tổ chức cộng sản:**

- 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội VN Cách mạng Thanh niên ở Bắc Kỳ lập ra *Chi bộ cộng sản đầu tiên ở VN*.

- 5/1929, tại Đại hội lần thứ nhất của Hội VN Cách mạng Thanh niên tại Hương Cảng (TQ), đoàn đại biểu Bắc Kỳ đặt vấn đề thành lập Đảng Cộng sản nhưng không được chấp nhận nên bỏ Đại hội về nước.

- 6/1929, đại biểu cộng sản ở Bắc Kỳ quyết định thành lập **“Đông Dương Cộng sản đảng”**, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, ra báo **Búa liềm**.

- 8/1929, cán bộ tiên tiến trong Tổng bộ & Kỳ bộ Hội VN Cách mạng Thanh niên ở Nam Kỳ thành lập **“An Nam Cộng sản đảng”**, ra tờ báo **Độc** làm cơ quan ngôn luận.

- 9/1929, những người cộng sản trong Đảng Tân Việt thành lập **“Đông Dương cộng sản Liên đoàn”**.

* **Ý nghĩa:**

- Là một *xu thế khách quan* của cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường CMVS.

- Chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của ĐCS Việt Nam.

b. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản VN:* **Hoàn cảnh:**

- Cuối 1929, PTCN & PTYN ↑, trong đó GCCN trở thành lực lượng tiên phong.

- 3 tổ chức cộng sản ra đời hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau, ảnh hưởng không tốt cho phong trào cách mạng.

- được tin Hội VNCMTN phân liệt thành 2 nhóm, mỗi nhóm tổ chức thành một đảng cộng sản

- NAQ với cương vị là phái viên của Quốc tế Cộng sản đã chủ động triệu tập các đại biểu của **Đông Dương Cộng sản đảng & An Nam Cộng sản đảng** đến Cửu Long (Hương Cảng, TQ) để bàn việc hợp nhất.

- Hội nghị bắt đầu họp từ ngày 6/1/1930.

* **Nội dung Hội nghị:**

- NAQ *phê phán* những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng rẽ

- Hội nghị đã thảo luận & nhất trí:

+ Thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là **Đảng cộng sản Việt Nam**

+ Thông qua **Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt** của Đảng do NAQ soạn thảo (**Cương lĩnh chính trị** đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam).

- Bầu Ban chấp hành Trung ương lâm thời, gồm 7 ủy viên.

- 24/2/1930, Đông Dương Cộng sản liên đoàn gia nhập vào ĐCS VN.

→ Đại hội Đảng **lần thứ III** quyết định lấy ngày 3/2 là ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

* **Ý nghĩa:**

- Hội nghị đã **thống nhất các tổ chức cộng sản** thành ĐCS VN.

- Hội nghị mang *tâm vóc của một Đại hội thành lập Đảng*.

c. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập ĐCS VN:

- ĐCS VN ra đời là **kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc & giai cấp** của nhân dân VN, là sự sàng lọc của lịch sử.

- Là **sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với PTCN & PTYN** ở VN trong thời đại mới. (**ĐCSVN=CN Mác-Lênin+PTCN+PTYN**)

- Là **một bước ngoặt vĩ đại** trong lịch sử cách mạng VN. Từ đây, CM VN đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của ĐCS VN.

- Là **sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên** có tính quyết định cho những bước ↑ nhảy vọt mới trong lịch sử cách mạng VN.

(* **Suy luận:** Tại sao nói ĐCS VN ra đời là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của CM VN?

+ Đảng ra đời đã **chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối & giai cấp lãnh đạo** của CM VN. Từ đây, CM VN đã thuộc quyền lãnh đạo tuyệt đối của GCCN mà đội tiên phong là ĐCS.

+ Đảng ra đời đã **vạch ra được PP CM đúng đắn**. Đó là **PP CM bằng bạo lực** của quần chúng theo quan điểm của CN Mác - Lênin.

+ Từ khi Đảng ra đời, **CM VN thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của CM TG**.

+ ĐCS VN ra đời là **sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước ↑ nhảy vọt mới của CM VN**.)

CHƯƠNG II. VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Bài 14. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

1. Việt Nam trong những năm 1929 - 1933: (Nguyên nhân của phong trào)

a. KT:

- Từ **1930**, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, kinh tế VN suy thoái.

- Cuộc khủng hoảng kinh tế ở VN rất nặng nề so với các thuộc địa ≠ của Pháp cũng như các nước trong khu vực.

b. XH:

- Hậu quả của cuộc KHKH đã làm trầm trọng thêm tình trạng đói khổ của nhân dân lao động.

- Mâu thuẫn xã hội thêm gay gắt, cơ bản là mâu thuẫn giữa dân tộc VN với Pháp & giữa nông dân với địa chủ PK.

- **Đầu 1930**, KN Yên Bái thất bại, Pháp tăng cường khủng bố, đàn áp đẫm máu càng làm tinh thần cách mạng lên cao.

⇒ Đảng Cộng sản VN ra đời kịp thời lãnh đạo đấu tranh.

2. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ Tĩnh:

a. Phong trào cách mạng 1930 - 1931:

- Từ **T2→T4/1930**, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân & nông dân nổ ra.

- Tháng 5, trên cả nước bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động **1/5**.

- **T6, T7, T8**, phong trào tiếp tục diễn ra sôi nổi trong cả nước.

b. Xô viết Nghệ - Tĩnh:

- Từ **9/1930**, phong trào ↑ mạnh, quyết liệt nhất, đạt đến đỉnh cao.

- **Tiêu biểu:** **12/9/1930**, cuộc biểu tình của **8000 nông dân Hưng Nguyên**, kéo đến huyện lỵ phá nhà lao, đốt huyện đường, ...

- Chính quyền thực dân, PK bị tê liệt, tan rã ở nhiều xã, thôn. Nhiều cấp ủy Đảng lãnh đạo nhân dân đứng lên tự quản lí đời sống, làm chức năng của chính quyền, gọi là "**Xô viết**".

*** Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh nhà nước kiểu mới:**

- **Chính trị:** quần chúng tự do hoạt động trong các đoàn thể cách mạng. Các đội tự vệ đỏ & tòa án nhân dân được thành lập.

- **KT:** chia ruộng đất công cho dân cày nghèo, bãi bỏ thuế thân, thuế chợ, xóa nợ cho người nghèo.

- **VH - XH:** mở lớp dạy chữ Quốc ngữ, xóa bỏ các tệ nạn xã hội, trật tự trị an được giữ vững, tình đoàn kết giúp đỡ nhau trong nhân dân được củng cố.

⇒ Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của PTCM 1930 - 1931. Tuy chỉ tồn tại được **4→5 tháng**, nhưng đó là nguồn cổ vũ mạnh mẽ quần chúng nhân dân trong cả nước.

c. Ý nghĩa lịch sử & bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 - 1931:

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng.

- Hình thành khối liên minh công - nông.

- Quốc tế Cộng sản công nhận: ĐCS Đông Dương là bộ phận độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.
- Là cuộc tập dượt đầu tiên cho Tổng KN T8 sau này.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Để lại bài học quý về công tác tư tưởng, xây dựng khối liên minh công nông, mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

3. So sánh cương lĩnh chính trị đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc với Luận cương chính trị (10/1930) của Trần Phú

Nội dung	Cương lĩnh chính trị do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo	Luận cương chính trị tháng 10/1930 do Trần Phú soạn thảo
Tính chất	Tiến hành “ <i>CMTS dân quyền & thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản</i> ”.	Lúc đầu làm <i>CMTS dân quyền</i> , sau đó tiến thẳng lên <i>CNXH</i> , bỏ qua thời kì <i>TBCN</i> ;
Nhiệm vụ	Đánh đổ ĐQ, PK & tư sản phản cách mạng.	Đánh đổ PK & ĐQ .
Mục tiêu	- Làm cho VN độc lập . - Tịch thu sản nghiệp của ĐQ & tư sản phân CM chia cho dân nghèo.	- Làm cho ĐD độc lập . - Tiến hành CM ruộng đất triệt để.
Lực lượng	Công - nông, tiểu tư sản, trí thức; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung - tiểu địa chủ, tư sản.	Giai cấp công - nông.
Lãnh đạo	ĐCS Việt Nam.	ĐCS Đông Dương.
Ưu điểm	- Là <i>cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp</i> . - Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi của Cương lĩnh.	
Hạn chế		- Chưa thấy được mâu thuẫn dân tộc thuộc địa , không đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu. - Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp $\neq$ ngoài công nhân và nông dân.

Bài 15. PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

1. Hoàn cảnh lịch sử phong trào dân chủ 1936 - 1939

*** Thế giới:**

- Những năm 30 của TK XX, thế lực phát xít cầm quyền ở Đức, Ý, Nhật ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị CTTG.
- 7/1935, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII xác định nhiệm vụ: chống CNPX & nguy cơ chiến tranh, bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.
- 6/1936, Chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp, đã thi hành một số chính sách tiến bộ ở thuộc địa.

2. Hội nghị BCH TW ĐCS Đông Dương 7/1936

7/1936, Hội nghị BCH TW ĐCS Đông Dương, do Lê Hồng Phong chủ trì, họp ở Thượng Hải. Hội nghị xác định:

- Nhiệm vụ chiến lược: chống **ĐQ & PK**.

- Nhiệm vụ trước mắt: chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh → Mục tiêu: đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
- PP đấu tranh là kết hợp các hình thức công khai & bí mật, hợp pháp & bất hợp pháp.
- Hội nghị chủ trương thành lập **Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương**. Tháng 3/1938 đổi thành **Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương** (**Mặt trận Dân chủ Đông Dương**).

3. Diễn biến phong trào dân chủ 1936 - 1939

* Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ:

- Phong trào **Đông Dương Đại hội** (1936).
- Cuộc **“đón rước”** Gôđa & Brêviê, thực chất nhằm biểu dương lực lượng; đưa yêu sách về dân sinh, dân chủ (1937).
- Cuộc đấu tranh nhân ngày 1/5/1938 ở Hà Nội.

* Đấu tranh nghị trường, báo chí:

* Nhận xét:

- Phong trào đấu tranh diễn ra với **quy mô lớn** trên phạm vi cả nước.
- **Lực lượng tham gia đông đảo** gồm: CN, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, ...
- **Hình thức đấu tranh**: công khai, hợp pháp, đấu tranh nghị trường, báo chí.

4. Ý nghĩa lịch sử & bài học kinh nghiệm

a. Ý nghĩa lịch sử:

- Là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức, dưới sự lãnh đạo của ĐCS Đông Dương.
- Buộc Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh dân chủ.
- **Quần chúng được giác ngộ, trở thành lực lượng chính trị hùng hậu.**
- Là cuộc tập dượt lần 2, chuẩn bị cho Tổng KN T8 sau này.

b. Bài học kinh nghiệm:

- Về xây dựng **Mặt trận dân tộc thống nhất**.
- Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh.

Câu hỏi: So sánh chủ trương, sách lược cách mạng của Đảng, hình thức đấu tranh giữa thời kì 1936 - 1939 với thời kì 1930 - 1931.

Nội dung so sánh	Thời kì 1930 - 1931	Thời kì 1936 - 1939
Nhận định kẻ thù	ĐQ & PK.	Thực dân Pháp phản động & tay sai.
Mục tiêu - nhiệm vụ	Độc lập dân tộc & người cày có ruộng.	Tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.
Tập hợp lực lượng	Liên minh công nông.	Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tập hợp mọi lực lượng dân chủ, yêu nước & tiên bộ.
Hình thức đấu tranh	Bạo lực cách mạng, vũ trang, bí mật, bất hợp pháp: bãi công, biểu tình, thành lập các xô viết ở Nghệ - Tĩnh.	Đấu tranh chính trị hòa bình, công khai, hợp pháp: đòi dân sinh, dân chủ , đấu tranh nghị trường, báo chí, ...
Lực lượng tham gia	Chủ yếu là công - nông.	Đông đảo các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, chính trị.
Địa bàn	Nông thôn & các trung tâm công nghiệp.	Chủ yếu ở thành thị.

Bài 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

1. Tình hình thế giới và trong nước

a. TG:

- 9/1939 CTTG II bùng nổ.
- Mặt trận châu Âu:
 - + 6/1940, Đức tấn công Pháp. Chính phủ phản động P đầu hàng
 - + 6/1941, Đức tấn công Liên Xô. Tính chất chiến tranh thay đổi
- Mặt trận châu Á: Nhật đẩy mạnh xâm lược Trung Quốc.

b. VN:

- P thi hành chính sách cai trị thời chiến:
 - + thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy
 - + tăng cường đàn áp phong trào cách mạng VN
- 9/1940, Nhật vào Đông Dương. P-Nhật bắt tay cùng nhau cai trị Đông Dương.
 - Mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt.
 - Nhiệm vụ giải phóng dân tộc đặt ra cấp thiết.

2. Phong trào giải phóng dân tộc (9/1939 - 3/1945)

a. Hội nghị BCH TW Đảng (11/1939): (lần 6)

11/1939, Hội nghị Ban Chấp hành TW Đảng họp tại Bà Điểm (Hóc Môn-Gia Định) do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì.

* **Nội dung Hội nghị:** (N vụ chiến lược: đánh đổ đế quốc & PK)

- Nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt: **đánh đổ đế quốc & tay sai**, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
- Chủ trương tạm gác khẩu hiệu CM ruộng đất, đề ra khẩu hiệu **‘tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc & địa chủ, chống tô cao, lãi nặng’**. **Lập Chính phủ dân chủ cộng hòa.**
- Chủ trương thành lập **Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.**
- Phương pháp đấu tranh: **chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ chính quyền đế quốc & tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.**

*** Ý nghĩa:**

Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng: đặt *“nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu”*, đưa nhân dân ta bước vào thời kì trực tiếp vận động cứu nước.

b. Hội nghị lần thứ 8 BCH TW Đảng (5/1941):

28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, chủ trì Hội nghị TW lần 8 từ 10→19/5/1941 tại Pắc Pó (Cao Bằng).

*** Nội dung Hội nghị:**

- Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt: **giải phóng dân tộc.**
- Tiếp tục tạm gác khẩu hiệu CM ruộng đất, nêu khẩu hiệu **“giảm tô, giảm thuế, tiến tới người cày có ruộng”**. **Lập Chính phủ nhân dân của nước VN Dân chủ Cộng hòa.**
- Lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (**Mặt trận Việt Minh**).
- Hình thái khởi nghĩa: **từ KN từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.**

* **Ý nghĩa:** Hội nghị TW lần 8 đã hoàn chỉnh chủ trương đề ra từ Hội nghị TW tháng 11/1939, nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là **dân tộc giải phóng.**

c. Quá trình chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền:

*** Xây dựng lực lượng chính trị:**

- Cuộc vận động xây dựng Hội cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh.
- Tăng cường tập hợp các lực lượng dân tộc vào cuộc đấu tranh tự giải phóng:
 - + 1943, ra bản *“Đề cương văn hóa Việt Nam”*
 - + 1944, thành lập Đảng dân chủ VN

+ vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

*** Xây dựng lực lượng vũ trang:**

- Phát triển đội du kích Bắc Sơn thành các Trung đội cứu quốc quân.
- Nguyễn Ái Quốc thành lập các đội tự vệ vũ trang, biên soạn tài liệu và cách đánh du kích...
- 22/12/1944, **Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân** được thành lập.

*** Xây dựng căn cứ địa cách mạng:**

- Hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng là Bắc Sơn – Võ Nhai và Cao Bằng.
- Ở đây, các đội tự vệ đẩy mạnh hoạt động để gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ.

3. Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

a. Khởi nghĩa từng phần

*** Bối cảnh:**

- TG: CTTG 2 bước vào giai đoạn kết thúc.

+ Châu Âu: phe Đồng minh phản công phát xít.

→ Nhiều nước châu Âu được giải phóng (trong đó có Pháp)

+ Châu Á - Thái Bình Dương: quân Đồng minh giáng cho Nhật những đòn nặng nề, cắt đứt con đường biển xuống phía Nam của Nhật.

- Đông Dương:

+ quân Pháp ráo riết hoạt động chờ thời cơ phản công Nhật

→ 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp → Pháp đầu hàng, Nhật độc chiếm Đông Dương.

+ Chủ trương của Đảng:

✓ ra chỉ thị “**Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta**” (xác định kẻ thù chính là phát xít Nhật, ra khẩu hiệu “**đánh đuổi phát xít Nhật**”).

✓ “**phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa**”.

*** Diễn biến cao trào kháng Nhật cứu nước:**

- Ở căn cứ Cao - Bắc - Lạng, Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân **giải phóng nhiều châu xã**.

- Phong trào “**Phá kho thóc, giải quyết nạn đói**” ở Bắc Kỳ & Bắc Trung Kỳ.

- Làn sóng KN từng phần phát triển Bắc Ninh, Hưng Yên.

- Cuộc nổi dậy của tù chính trị nhà lao Ba Tơ (11/3).

- Ở Nam Kỳ, phong trào Việt Minh phát triển mạnh ở **Mĩ Tho, Hậu Giang**.

- Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ (4/1945).

- Cứu quốc quân & Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân (5/1945).

- Thành lập Khu giải phóng Việt Bắc (6/1945).

*** Ý nghĩa:**

- Lực lượng CM tiếp tục được củng cố, phát triển → khiến kẻ thù hoang mang suy yếu → thúc đẩy thời cơ cách mạng chín muồi.

- Tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

b. Tổng KN tháng Tám 1945

*** Hoàn cảnh:** Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố (thời cơ):

*** Khách quan:**

- 15/8, Nhật đầu hàng Đồng minh → ở ĐD, Nhật & Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang.

- Quân Đồng minh chưa vào ĐD giải giáp quân Nhật.

*** Chủ quan:** (lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố)

- 13/8, lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, phát lệnh Tổng KN.

- Từ 14 → 15/8, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng KN, quyết định chính sách sẽ thực hiện sau khi giành được chính quyền.

- Từ 16→17/8, Đại hội Quốc dân tán thành chủ trương Tổng KN, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra **Ủy ban Dân tộc giải phóng VN**. (do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch)

*** Diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám:**

- 18/8, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền sớm nhất.
- 19/8, Hà Nội giành chính quyền.
- 23/8, Huế giành chính quyền.
- 25/8, Sài Gòn giành chính quyền.
- 28/8, Hà Tiên & Đồng Nai Thượng là những tỉnh cuối cùng giành được chính quyền.
- 30/8, Bảo Đại thoái vị → CDPK VN hoàn toàn sụp đổ.
- 2/9/1945, Hồ Chí Minh đọc "**Tuyên ngôn Độc lập**":
- + khai sinh nước **Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**
- + khẳng định ý chí sắt đá của người VN là giữ vững nền độc lập, tự do vừa giành được.

4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử & bài học kinh nghiệm

*** Nguyên nhân thắng lợi:**

- Khách quan: Chiến thắng của Liên Xô & Đồng minh trước quân phát xít.
- Chủ quan:
 - + Truyền thống yêu nước của dân tộc.
 - + Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của ĐCS Đông Dương.
 - + sự chuẩn bị lâu dài, chu đáo (tròn 15 năm).
 - + Sự đoàn kết, nhất trí của toàn dân tộc trong những ngày KN.
 - + các cấp bộ Đảng & Việt Minh chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Trong nước:
 - + Lật đổ nền thống trị của đế quốc, phát xít, phong kiến, đưa nhân dân lao động lên làm chủ.
 - + Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc.
 - + Đưa ĐCS Đông Dương trở thành đảng cầm quyền.
- TG:
 - + Góp phần vào chiến thắng chống CNPX.
 - + Cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Đảng có **đường lối** đúng đắn, sáng tạo.
- Đảng tập hợp, tổ chức các **lực lượng** yêu nước trong Việt Minh, với nòng cốt là liên minh công – nông.
- **Phương pháp**: linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành KN từng phần, chớp thời cơ tiến tới Tổng KN.

CHƯƠNG III. VIỆT NAM TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1954
Bài 17. NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2 - 9 - 1945 ĐẾN
TRƯỚC NGÀY 19 - 12 - 1946

I. TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU CMT8/1945

1. Khó khăn

a. Ngoại xâm – nội phản:

- Bắc vĩ tuyến 16: quân Trung Hoa Dân quốc, Việt Quốc, Việt Cách,...
- Nam vĩ tuyến 16: quân Anh & Pháp.
- Quân Nhật đang chờ giải giáp...
- Chính quyền CM non trẻ, chưa được củng cố.

b. Kinh tế - tài chính:

- Hậu quả nạn đói chưa đc khắc phục.
- Sản xuất đình đốn.
- Ngân sách nhà nước hầu như trống rỗng.

c. Văn hóa:

- >90% dân số mù chữ.
- Tệ nạn xã hội phát triển.
- Nước ta rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

2. Thuận lợi

- Trong nước:

- + Sự lãnh đạo của ĐCS.
- + Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân.
- + Nhân dân ủng hộ CM.

- Thế giới: phong trào cách mạng TG phát triển.

II. BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CM, GIẢI QUYẾT NẠN ĐÓI, NẠN ĐÓT & KHÓ KHĂN VỀ TÀI CHÍNH

1. Xây dựng chính quyền CM

- 6/1/1946, tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội.
- Bầu cử HĐND các cấp.
- 2/3/1946, phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I đã:
 - + xác nhận thành tích của Chính phủ lâm thời.
 - + Thông qua danh sách Chính phủ Liên hiệp k/c.
 - + Bầu ban dự thảo Hiến pháp.

2. Giải quyết nạn đói

- Trước mắt: tổ chức quyên góp, điều hòa thóc gạo. Kêu gọi “Nhường cơm sẻ áo”, “Hũ gạo cứu đói”, tổ chức “Ngày đồng tâm”.
- Lâu dài: đẩy mạnh “Tăng gia sản xuất”.
- Bãi bỏ thuế vô lý, giảm tô, giảm thuế, chia ruộng đất công, ...
- Kết quả: nạn đói từng bước được đẩy lùi.

3. Giải quyết nạn đốt

- Trước mắt: thành lập Nha bình dân học vụ, mở lớp bình dân học vụ.
- Lâu dài:
 - + Mở trường học.
 - + Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục.

4. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Trước mắt: kêu gọi nhân dân tự nguyện đóng góp: “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”.
- Lâu dài: 11/1946, cho lưu hành tiền VN.

III. ĐẤU TRANH CHỐNG NGOẠI XÂM NỘI PHẢN, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CM

1. Từ sau 2/9/1945 đến trước 6/3/1946*** Kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ**

- 23/9/1945, Pháp chính thức nổ súng xâm lược Nam Bộ.
- Nhân dân Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến. Chính phủ kêu gọi cả nước chi viện cho Nam Bộ k/c.
- Quân Pháp bị chặn đứng ở nhiều nơi. Có ảnh hưởng đến thái độ của Trung Hoa Dân quốc ở phía Bắc.

*** Đấu tranh với quân Trung Hoa Dân quốc & bọn phản CM ở miền Bắc**

- Chủ trương: tạm thời hòa hoãn với *Trung Hoa Dân quốc*.
- Biện pháp:
 - + Nhân nhượng: nhượng một số ghế trong quốc hội, cung cấp 1 phần lương thực,...
 - + Cứng rắn: kiên quyết trấn át bọn phản CM.

2. Từ 6/3/1946 đến trước 19/12/1946**Hòa hoãn với Pháp để đẩy quân Trung Hoa Dân quốc về nước***** Bối cảnh:**

- Pháp, THDQ bắt tay với nhau để chống phá CMVN

→ Hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946)

{- Sau khi chiếm đóng các đô thị ở miền Nam, Pháp thực hiện kế hoạch tiến công ra Bắc nhằm thôn tính cả nước ta. 2/1946, Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân quốc Hiệp ước Hoa - Pháp với ND:

🚩 THDQ được Pháp trả lại các tô giới, nhượng địa của Pháp trên đất TQ...

🚩 Pháp được đưa quân ra Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- Hiệp ước Hoa - Pháp đặt nhân dân ta trước hai con đường: *hoặc là đánh Pháp, hoặc là hòa hoãn với Pháp*

→ Trung ương Đảng họp, quyết định "hòa để tiến".

*** Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946):**

- 6/3/1946, HCM kí với đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ* với ND:

🚩 Pháp công nhận VNDCCH là một *quốc gia tự do*, là thành viên của Liên bang Đông Dương, nằm trong Liên hiệp Pháp.

🚩 Chính phủ VNDCCH cho **15.000 quân** Pháp ra miền Bắc thay quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật & rút dần trong **5 năm**.

🚩 Hai bên ngừng xung đột & giữ nguyên quân đội ở vị trí cũ.

- Ý nghĩa:

- + Giúp ta tránh được cuộc chiến đầu bất lợi với nhiều kẻ thù cùng một lúc.
- + Đuổi được **20 vạn** quân Tưởng & tay sai ra khỏi nước ta.
- + Có thêm thời gian hòa hoãn để chuẩn bị lực lượng.

*** Tạm ước 14/9/1946:**

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, *Pháp tăng cường khiêu khích*.

- Để kéo dài thêm thời gian hòa hoãn, Hồ Chủ tịch kí với Pháp bản *Tạm ước 14/9/1946*, tiếp tục *nhân nhượng Pháp*.

- Việc kí Tạm ước tạo điều kiện cho ta kéo dài thời gian hòa hoãn để xây dựng lực lượng, tranh thủ tình cảm của nhân dân Pháp.

→ *Như vậy, với sách lược vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo của Đảng ta, lúc thì tạm hòa hoãn quân Tưởng để rảnh tay đối phó với Pháp, lúc thì tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng về nước, tạo cho ta có thêm thời gian chuẩn bị cho cuộc k/c lâu dài mà ra biết chắc rằng không thể tránh khỏi.*

Bài 18. NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1950)

1. Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ

*** Hoàn cảnh:**

- Hành động của Pháp:
 - + Liên tiếp bội ước, gây xung đột vũ trang ở nhiều nơi.
 - + Gửi tối hậu thư yêu cầu chính phủ VN phải giao quyền kiểm soát Hà Nội...
- Chủ trương của Đảng:
 - + 12/12/1946, ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”.
 - + 18-19/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, quyết định phát động toàn quốc k/c.
 - + 19/12/1946, HCM đọc “Lời kêu gọi toàn quốc k/c”.

*** Đường lối k/c:**

- Văn kiện thể hiện:
 - + Chỉ thị Toàn dân kháng chiến
 - + Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến
 - + Tác phẩm “K/c nhất định thắng lợi” {của Tổng Bí thư Trường Chinh (9/1947)}
- **Nội dung:** “*TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN, TRƯỜNG KÌ, TỰ LỰC CÁNH SINH & tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế*”.

2. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

*** Ở Hà Nội:**

- Nhân dân lập chiến lũy để chống giặc.
- Trung đoàn Thủ đô được thành lập, tiến đánh những trận quyết liệt.

*** Ở các đô thị khác:** quân dân bao vây, tấn công, tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

→ Pháp bị giam chân ở các đô thị → tạo điều kiện để cơ quan đầu não di chuyển về hậu cứ an toàn.

3. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 (Pháp mở)

a. Âm mưu & hành động của Pháp:

- Âm mưu: chuẩn bị tiến công Việt Bắc, nhằm
 - + Đánh phá căn cứ địa
 - + Tiêu diệt cơ quan đầu não & bộ đội chủ lực của ta
 - + Triệt đường liên lạc quốc tế
 - + Giành thắng lợi quân sự quyết định, nhanh chóng kết thúc chiến tranh
- Hành động: huy động 12000 quân tiến công lên VB theo 2 hướng
 - + 7/10/1947:
 - ✓ Quân dù nhảy dù xuống Bắc Kạn.
 - ✓ Quân bộ từ Lạng Sơn đánh lên Cao Bằng, vòng xuống Bắc Kạn bao vây Việt Bắc từ phía Đông & phía Bắc.
 - + 9/10/1947, bộ & thủy binh từ Hà Nội, ngược sông Hồng & sông Lô lên Tuyên Quang, bao vây Việt Bắc ở phía Tây.

b. Cuộc chiến đấu của VN:

- Chủ trương: phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp.
- Diễn biến:
 - + Với quân dù: bao vây, tiến công ở Chợ Đồn, Chợ Mới, Chợ Đồn.
 - + Với quân bộ: phục kích, chặn đánh trên đường số 4.
 - + Với quân thủy: chặn đánh trên sông Lô.
- 19/12/1947, Pháp rút khỏi Việt Bắc. Chiến dịch Việt Bắc kết thúc thắng lợi.

- Ý nghĩa:

- + Cơ quan đầu não được bảo toàn, bộ đội chủ lực dần trưởng thành.
- + Làm phá sản kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của P.

→ Buộc P phải bị động chuyển sang đánh lâu dài.

+ Chuyển cuộc k/c sang giai đoạn mới.

4. Chiến dịch Biên giới thu - đông 1950

a. Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau thắng lợi của CM TQ, từ 1/1950, các nước XHCN bắt đầu công nhận & đặt quan hệ ngoại giao với ta.

- Mĩ bắt đầu dính líu đến chiến tranh Đông Dương, giúp P đề ra & thực hiện **kế hoạch Rove**:

+ Tăng cường hệ thống phòng ngự trên Đường số 4.

+ Thiết lập "Hành lang Đông - Tây".

+ Chuẩn bị kế hoạch tấn công lớn lên VB → nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

* **Chủ trương của Đảng**: mở chiến dịch Biên giới nhằm:

- Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

- Khai thông đường sang Trung Quốc & TG.

- Củng cố, mở rộng căn cứ địa VB → tạo đà thúc đẩy cuộc k/c tiến lên.

b. Diễn biến:

- 16/9/1950, ta tấn công Đông Khê thắng lợi → Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập.

→ Pháp buộc phải rút khỏi Cao Bằng & cử viện binh lên ứng cứu.

- Ta chủ động mai phục, chặn đánh địch trên đường số 4 → 2 cánh quân của Pháp không gặp được nhau.

→ P phải rút khỏi Thất Khê về Na Sầm, Lạng Sơn.

- Trên đường địch rút chạy, VN chủ động tập kích để tiêu diệt thêm 1 bộ phận sinh lực địch.

⇒ **22/10/1950**, đường số 4 được giải phóng. Chiến dịch Biên giới toàn thắng.

c. Ý nghĩa:

- Làm phá sản kế hoạch Rơ-ve.

- Khai thông đường liên lạc quốc tế.

- Củng cố mở rộng căn cứ địa VB.

- Bộ đội chủ lực ta đã trưởng thành.

- Ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

→ Mở ra bước ↑ mới cho cuộc k/c.

Bài 19. BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1953)

1. Thực dân Pháp đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương

- Mĩ giúp Pháp đề ra và thực hiện kế hoạch Đờ Lát đơ Tát-xinhi:

+ Gấp rút tập trung quân Âu - Phi, phát triển nguy quân...

+ Xây dựng phòng tuyến công sự, "vành đai trắng" bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ...

+ Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng tạm chiến,...

+ Đánh phá hậu phương của Việt Minh bằng thổ phi, biệt kích...

⇒ Đẩy chiến tranh Đông Dương lên quy mô lớn.

2. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng

- Từ 11 → 19/2/1951 Đại hội Đại biểu lần II của ĐCS Đông Dương họp ở **Tuyên Quang**.

- **Nội dung:**

+ Thông qua **Báo cáo chính trị của Hồ Chí Minh** và **"Bàn về CM VN"** của đ/c Trường Chinh.

+ Tách ĐCS Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một đảng Mác - Lênin riêng.

+ Ở VN, đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là **Đảng Lao động VN**.

+ Thông qua **Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới**; xuất bản báo Nhân dân.

+ Bầu ra BCH Trung ương Đảng, Bộ Chính trị.

⇒ Đánh dấu bước *↑* mới trong quá trình lãnh đạo & trưởng thành của Đảng, là **“Đại hội k/c thắng lợi”**.

3. Hậu phương kháng chiến phát triển mọi mặt

- Chính trị:

- + 3/1951, thống nhất Mặt trận Việt Minh & Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt.
- + 3/1951, thành lập Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào.
- + phong trào thi đua yêu nước phát triển.

- Kinh tế:

- + 1952, mở cuộc vận động lao động sản xuất & thực hành tiết kiệm.
- + 1953, phát động quần chúng triệt để giảm tô & cải cách ruộng đất.

4. Những chiến dịch tiến công giữ vững quyền chủ động trên chiến trường (SGK)

Bài 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC (1953 - 1954)

1. Âm mưu mới của Pháp - Mĩ ở Đông Dương. Kế hoạch Nava

- Bối cảnh:

- + Pháp ngày càng sa lầy trong chiến tranh Đông Dương.
- + Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến, ép Pháp kéo dài chiến tranh, tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.
- **5/1953**: Pháp, Mĩ đề ra & thực hiện kế hoạch Nava nhằm trong **18** tháng giành lấy 1 thắng lợi quyết định để **“KẾT THÚC CHIẾN TRANH TRONG DANH DƯ”**.

- Nội dung:

- + **Bước 1**: Trong thu - đông 1953 & xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, thực hiện tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ & Nam Đông Dương, ...
- + **Bước 2**: Từ thu - đông 1954, chuyển lực lượng ra Bắc Bộ, cố giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng nhằm kết thúc chiến tranh.

- Biện pháp:

- + Tập trung 44 tiểu đoàn cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ.

[+ Tăng viện binh cho chiến trường Đông Dương.

+ Xin Mĩ tăng thêm viện trợ.

+ Mở các cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa.]

2. Cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953 - 1954 & chiến dịch Điện Biên Phủ 1954

a. Cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953 - 1954

*** Chủ trương của Đảng: Phương hướng chiến lược:**

- Tập trung lực lượng mở những cuộc tấn công vào những hướng quan trọng mà ở đó địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai.
- Buộc địch phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu → tạo điều kiện để ta tiêu diệt từng bộ phận sinh lực địch.

*** Diễn biến:**

- **12/1953**, ta tiến công thị xã Lai Châu, giải phóng tỉnh Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ).

→ Nava phải tăng viện cho **Điện Biên Phủ**.

→ Đây trở thành nơi tập trung quân lớn thứ 2 của Pháp.

- **12/1953**, liên quân Lào - Việt tiến công **Trung Lào**, giải phóng **Thà Khẹt**, uy hiếp **Xavannakhét & Xê nô**.

→ Nava phải tăng viện cho **Xê nô**.

→ Xê nô trở thành nơi tập trung quân lớn thứ 3 của Pháp.

- **1/1954**, liên quân Lào - Việt tiến công **Thượng Lào**, giải phóng tỉnh **Phongxali**.

→ Nava phải tăng viện cho **Luông Phabang**.

→ Đây trở thành nơi tập trung quân lớn thứ 4 của Pháp.

- **2/1954**, ta đánh **Bắc Tây Nguyên**, giải phóng **Kon Tum**, uy hiếp **Plâyku**.

→ Nava phải tăng viện cho **Plâyku**.

→ Đây trở thành nơi tập trung quân lớn thứ 5 của Pháp.

- Vùng sau lưng địch, phong trào chiến tranh du kích ↑ mạnh.

*** Ý nghĩa:**

- Quân Pháp bị phân tán, giam chân ở vùng rừng núi.

- Kế hoạch Nava bước đầu bị phá sản.

- Chuẩn bị về vật chất, tinh thần cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

b. Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ 1954

*** Âm mưu, hành động của Pháp - Mĩ ở ĐBP:**

- Pháp, Mĩ xây dựng ĐBP thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương nhằm thu hút chủ lực VN đến để tiêu diệt.

- Đặc điểm của tập đoàn cứ điểm ĐBP:

+ tập trung khoảng 16200 quân.

+ chia làm 3 phân khu với 49 cứ điểm.

*** Cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam:**

- Chủ trương của Đảng mở chiến dịch ĐBP nhằm:

+ Tiêu diệt lực lượng địch ở đây.

+ Giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào.

- Tiến hành chuẩn bị đầy đủ cho chiến dịch với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến dịch toàn thắng”.

- **Diễn biến:**

+ **Đợt 1: từ 13/3→17/3**, ta tấn công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam & toàn bộ phân khu Bắc.

+ **Đợt 2: từ 30/3→26/4**, ta tấn công các cứ điểm phía Đông phân khu Trung tâm.

+ **Đợt 3: từ 1→7/5**, ta tấn công các cứ điểm còn lại của phân khu Trung tâm & phân khu Nam.

→ **Chiều 7/5**, chiến dịch toàn thắng.

*** Ý nghĩa:**

- Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch Nava.

- Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp.

- Làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao.

3. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương

a. Nội dung: (kí ngày 21/7/1954)

- Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng **các QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN** là độc lập, chủ quyền, thống nhất & toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước VN, Lào, CPC.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

- Các bên thực hiện tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực: ở VN, quân đội nhân dân VN & quân viễn chinh Pháp tập kết ở hai miền Bắc - Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời...

- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào...

- VN tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào 7/1956.

- Trách nhiệm thi hành hiệp định thuộc về những người đã kí hiệp định & kế tục nó.

b. Ý nghĩa:

- Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận **các QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN** của nhân dân các nước Đông Dương.

- Đánh dấu thắng lợi của cuộc k/c chống Pháp của Việt Nam, song chưa trọn vẹn vì mới giải phóng được miền Bắc.

4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

a. Nguyên nhân thắng lợi:

* Chủ quan:

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Hồ Chủ tịch, với đường lối k/c đúng đắn, sáng tạo.
- Ta có chính quyền dân chủ nhân dân, lực lượng vũ trang lớn mạnh, hậu phương vững chắc.
- Toàn đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng.

* Khách quan:

- Tình đoàn kết gần bó của 3 nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ TG, nhất là các nước XHCN (TQ, LX), ...

b. Ý nghĩa lịch sử:

* VN:

- Chấm dứt chiến tranh xâm lược & ách thống trị của thực dân Pháp.
- Miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng CNXH, tạo điều kiện giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

* TG:

- Giáng một đòn mạnh vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của CNĐQ từ sau CTTG II.
- Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của CNTD; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên TG.

Chương IV. VIỆT NAM TỪ 1954 ĐẾN NĂM 1975

Bài 21. XÂY DỰNG CNXH Ở MIỀN BẮC, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM (1954 - 1965)

I. TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA CMVN SAU HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ NĂM 1954 VỀ ĐÔNG DƯƠNG

* **Tình hình:** Sau Hiệp định Giơnevơ, VN tạm thời bị chia cắt thành 2 miền với 2 chế độ chính trị khác nhau.

- MB được hoàn toàn giải phóng:
- + 10/10/1954, chính phủ, quân đội VN vào tiếp quản Hà Nội.
- + 5/1955, toán lính Pháp cuối cùng đã rút khỏi miền Bắc.
- MN còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc và tay sai:
- + 5/1956, Pháp rút quân khi chưa thực hiện Hiệp thương Tổng tuyển cử.
- + Mỹ thay Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài VN...

* **Nhiệm vụ:**

- MB:
- + Hoàn thành cải cách ruộng đất.
- + Cải tạo quan hệ sản xuất, đưa miền Bắc tiến lên CNHX.
- + Làm nghĩa vụ hậu phương với miền Nam.
- MN: đấu tranh chống Mỹ - Diệm, giải phóng MN, hoàn thành CMDTDCND.
- Nhiệm vụ chung: Hoàn thành CMDTDCND trong cả nước, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

II. MIỀN BẮC HOÀN THÀNH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT, KHÔI PHỤC KINH TẾ, CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT (1954 - 1960)

1. Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh (1954 - 1957)

2. Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế, xã hội (1958 - 1960)

III. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MỸ DIỆM, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI “ĐỒNG KHỞI” (1954 - 1960)

1. Đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1959)**2. Phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960)***** Bối cảnh:**

- 1954 - 1959: MN đấu tranh chính trị, lực lượng cách mạng được giữ gìn & phát triển.
- Hành động khủng bố của Mĩ - Diệm → CM gặp nhiều tổn thất → Phải có giải pháp quyết liệt để đưa CM tiến lên.
- Hội nghị lần thứ 15 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng.

*** Diễn biến:** Nổ ra lẻ tẻ ở một số địa phương → Lan ra khắp miền Nam thành cao trào cách mạng. Tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre.

*** Ý nghĩa:**

- Lực lượng cách mạng phát triển → Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được thành lập (12/1960).
- Giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mĩ. Làm lung lay, suy yếu chính quyền Ngô Đình Diệm.
- Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

IV. MIỀN BẮC BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT CỦA CNHX (1961 - 1965)**1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)***** Bối cảnh:** CM 2 miền có những bước tiến quan trọng

- MB: hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế...
 - CM miền Nam chuyển sang thế tiến công sau Đồng khởi.
- 5-10/9/1960: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp ở Hà Nội.

*** Nội dung:**

- Đề ra nhiệm vụ chiến lược của CM cả nước, nhiệm vụ, vai trò, vị trí của CM từng miền, mối quan hệ giữa CM 2 miền.
- CMXHCN ở miền Bắc có vai trò **quyết định nhất** với sự phát triển của CM cả nước.
- CMDTDCND ở miền Nam có vai trò **quyết định trực tiếp** với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- CM 2 miền có quan hệ mật thiết, gắn bó, tác động lẫn nhau nhằm hoàn thành cuộc CMDTDCND trong cả nước, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.
- Đưa miền Bắc tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên CNXH, thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.
- Thông qua báo cáo chính trị, ...bầu BCH Trung ương.

2. Miền Bắc thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm (1961 - 1965)**V. MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1961 - 1965)****1. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam**

- Công thức: CT ĐB = Quân đội SG + cố vấn Mĩ + phương tiện ct Mĩ
- Âm mưu: dùng người Việt đánh người Việt.
- Thủ đoạn:
 - + Tăng nhanh lực lượng quân đội SG.
 - + Mĩ tăng cường viện trợ cho chính quyền SG.
 - + Sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận.
 - + Tiến hành dồn dân lập ấp chiến lược.

2. Miền Nam đấu tranh chống chiến lược chiến tranh đặc biệt

- Phong trào phá ấp chiến lược: Nhân dân kiên quyết bám đất, giữ làng → Xương sống của chiến lược chiến tranh đặc biệt bị phá sản.
- Đấu tranh trong các đô thị:

Cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, “đội quân tóc dài” → Chính quyền SG khủng hoảng → Mỹ giật dây tay sai tiến hành đảo chính Ngô Đình Diệm.

- Quân sự:

+ Chiến thắng Ấp Bắc (1/1963).

→ Ý nghĩa:

- ✓ Chứng tỏ khả năng đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của quân dân miền Nam.
- ✓ Dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”....

+ Chiến dịch tiến công đồng - xuân 1964 – 1965: **Bình Giả**; An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài.

⇒ Làm phá sản chiến lược chiến tranh đặc biệt.

BÀI 22. NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC. NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT (1965 - 1973)

I. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở MIỀN NAM (1965 - 1968)

1. Chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam

- Công thức:

CTCB = Quân Mỹ + quân đồng minh Mỹ + quân đội SG + cố vấn Mỹ + phương tiện ct Mỹ

- Âm mưu: tạo ra sự áp đảo về lực lượng để giành lại thế chủ động, buộc phía Việt Nam phải phân tán, đánh nhỏ, làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

- Thủ đoạn:

+ Đưa quân Mỹ & quân đồng minh vào miền Nam.

+ Mở các cuộc hành quân **tìm diệt & bình định**.

+ Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc.

2. Đấu tranh chống chiến lược chiến tranh cục bộ

- Quân sự:

+ Chiến thắng Vạn Tường (1965)

→ Ý nghĩa:

- ✓ Chứng tỏ khả năng đánh bại chiến lược CTCB của quân dân miền Nam.
- ✓ Dấy lên phong trào “Tìm Mỹ mà đánh, lùng nguy mà diệt”

+ Cuộc tổng tiến công & nổi dậy xuân Mậu Thân 1968:

→ Ý nghĩa:

- ✓ Làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ.
- ✓ Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa”.
- ✓ Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- ✓ Chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.

II. MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LÀN THỨ NHẤT, VỪA SẢN XUẤT, LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG

III. CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” & “ĐÔNG DƯƠNG HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ (1969 - 1973)

1. Chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh & Đông Dương hóa chiến tranh của Mỹ ở miền Nam

- Công thức: VNHC = quân đội SG + cố vấn Mỹ + phương tiện ct Mỹ

- Âm mưu: dùng người Việt đánh người Việt, dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương.

- Thủ đoạn:

+ Tăng cường viện trợ cho chính quyền SG.

+ Mở rộng chiến tranh sang Lào, Campuchia.

+ Hòa hoãn với Trung Quốc, Liên Xô.

2. Đấu tranh chống chiến lược VN hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh

- Chính trị:

- + Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam VN thành lập (1969).
- + Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương (1970).

- Quân sự:

- + Cùng quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia (1970).
- + Cùng quân dân Lào đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719 (1971).

+ Cuộc tiến công chiến lược 1972:

→ Buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa trở lại”.

IV. MIỀN BẮC KHÔI PHỤC & PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN HAI & LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG

1. Miền Bắc khôi phục & phát triển kinh tế - xã hội

2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất

(* Mĩ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2:

- Âm mưu:

- + Phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.
- + Ngăn chặn nguồn chi viện của miền Bắc cho miền Nam.
- + Làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân 2 miền.
- + Cứu nguy cho chiến lược VNHCT, tạo thế mạnh trên bàn đàm phán.

- Hành động:

- + 6/4/1972: Mĩ cho máy bay ném bom một số nơi thuộc liên khu IV cũ.
- + 16/4/1972: Mĩ chính thức tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2.
- + 9/5/1972: Mĩ phong tỏa cảng Hải Phòng và biển miền Bắc.)

* Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại:

- Miền Bắc chủ động chống trả địch ngay từ trận đầu, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (12/1972):

→ Ý nghĩa:

- + Giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mĩ.
- + Buộc Mĩ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- + Buộc Mĩ phải kí Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN.
- Vai trò của MB: vẫn bảo đảm tiếp nhận hàng viện trợ từ bên ngoài, chi viện theo yêu cầu của tiền tuyến miền Nam & cho cả chiến trường Lào, Campuchia.

V. HIỆP ĐỊNH PARI NĂM 1973 VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

* Nội dung Hiệp định:

- Hoa Kỳ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của VN.
- Các bên thực hiện ngừng bắn. Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc.
- Hoa Kỳ rút hết quân đội về nước, cam kết không dính líu đến công việc của miền Nam.
- Nhân dân miền Nam có quyền tự quyết định tương lai chính trị thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
- Thừa nhận thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 vùng kiểm soát, 3 lực lượng chính trị.
- Hai bên trao trả tù binh & dân thường bị bắt.
- Hoa Kỳ cam kết góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh ở VN, Đông Dương.

* Ý nghĩa:

- Là kết quả của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, cuộc đấu tranh của nhân dân 2 miền.
- Buộc Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của VN, rút quân về nước → Tạo thời cơ để tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Bài 23. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1973 - 1975)

I. MIỀN BẮC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, RA SỨC CHI VIÊN CHO MIỀN NAM

II. MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG DỊCH “BÌNH ĐỊNH - LẤN CHIÊM”, TẠO THẾ VÀ LỰC TIẾN TỚI GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

[- Mĩ và chính quyền SG có hành động phá hoại Hiệp định Pari...]

- Chủ trương của Đảng: Hội nghị 21 (7/1973)

+ Kẻ thù vẫn là Mĩ & chính quyền VNCH.

+ Nhiệm vụ: tiếp tục cuộc CMDTDCND bằng con đường bạo lực, đấu tranh trên 3 mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao.

- Quân dân miền Nam kiên quyết đánh trả, làm nên **chiến thắng Phước Long** (cuối 1974 - đầu năm 1975):

→ Ý nghĩa:

+ Cho thấy khả năng thắng lợi của ta.

+ Sự suy yếu của quân đội SG.

+ Khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự hạn chế của Mĩ.

III. GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM, GIÀNH TOÀN VỀN LÃNH THỔ TỔ QUỐC

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

- **Bối cảnh:** so sánh tương quan lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ, có lợi cho cách mạng.

- Chủ trương:

+ Giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975, 1976.

+ Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

2. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

a. Chiến dịch Tây Nguyên (4 - 24/3):

- Tây Nguyên có vị trí chiến lược → lực lượng địch mỏng.

- Diễn biến:

+ 4/3: ta đánh nghi binh ở Plâyku - Kon Tum.

+ 10/3: ta tiến công Buôn Mê Thuột → thắng lợi.

+ 12/3: địch phản công chiếm BMT → thất bại.

+ 14/3: Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh rút toàn bộ lực lượng khỏi Tây Nguyên về giữ Duyên hải miền Trung.

+ 24/3: chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng.

- Ý nghĩa: Chuyển cuộc kháng chiến từ tiến công chiến lược ở Tây Nguyên sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

b. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (21 - 29/3):

- Vị địch cơ cựa ở Huế.

- Diễn biến:

+ 21/3: ta tấn công Huế.

+ 26/3: Huế & toàn bộ tỉnh Thừa Thiên Huế được giải phóng.

+ 29/3: ta tấn công & giải phóng Đà Nẵng.

- Ý nghĩa:

+ Gây tâm lý tuyệt vọng cho quân SG.

+ Cuộc tổng tiến công phát triển mạnh.

c. Chiến dịch Hồ Chí Minh (26 - 30/4):

- Chủ trương của Đảng:

+ Phải tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kĩ thuật giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước 5/1975).

- + Chiến dịch giải phóng SG - Gia Định mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.
- Diễn biến:
 - + Trước chiến dịch, quân ta tấn công Xuân Lộc, Phan Rang.
 - + 26/4: 5 cánh quân đồng loạt tiến vào SG, bắt đầu chiến dịch.
 - + 30/4: toàn bộ nội các VNCH bị bắt, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.
- Ý nghĩa:
 - + Tạo điều kiện ta giải phóng các tỉnh còn lại của MN.
 - + 2/5/1975: MN hoàn toàn giải phóng.

IV. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Chủ quan:

- + Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.
- + Tinh thần yêu nước & đoàn kết của nhân dân.
- + Sự lớn mạnh của hậu phương miền Bắc.

- Khách quan:

- + Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.
- + Sự đồng tình, giúp đỡ của các nước XHCN, lực lượng dân chủ trên TG.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Đối với VN:

- + Kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc.
- + Hoàn thành CMDTDCND trong cả nước.
- + Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH.

- Đối với TG:

- + Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ - TG.
- + Cổ vũ phong trào cách mạng TG.

⇒ *Thắng lợi đó “mãi mãi ghi vào LS dân tộc ta một trong những trang chói lọi nhất, đi vào LSTG như một chiến công vĩ đại của TK XX, một sự kiện có tầm quan trọng to lớn & có tính thời đại sâu sắc”.*

Chương V. VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NĂM 2000

Bài 24. VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU SAU THẮNG LỢI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975

I. TÌNH HÌNH NƯỚC TA SAU 1975

- MB chịu thiệt hại nặng nề do chiến tranh phá hoại của Mỹ.
- MN:
 - + Hoàn toàn giải phóng.
 - + Chiến tranh của Mỹ để lại hậu quả nặng nề (làng mạc, thành phố bị tàn phá; kinh tế phát triển theo hướng TBCN nhưng lệ thuộc vào bên ngoài; tỉ lệ dân cư mù chữ cao).

II. HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC VỀ MẶT NHÀ NƯỚC (1975 - 1976)

1. Bối cảnh

- Đất nước đã được thống nhất về lãnh thổ nhưng ở 2 miền vẫn tồn tại 2 hình thức chính quyền.
- Những hậu quả chiến tranh cần nhanh chóng giải quyết.
- Nguyên vọng của nhân dân VN là có 1 chính phủ thống nhất.

2. Quá trình

- 9/1975: Hội nghị 24 BCHTWĐ đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

- 11/1975: Hội nghị hiệp thương thống nhất đất nước được tổ chức đã nhất trí về chủ trương, biện pháp để thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- 25/4/1976: Cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành.
- Cuối tháng 6 - đầu tháng 7/1976: Kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI diễn ra đã:
 - + Quyết định tên nước là CHXHCN Việt Nam.
 - + Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng.
 - + Quốc ca là Tiến quân ca.
 - + Thủ đô là Hà Nội, thành phố SG - Gia Định đổi tên là TP HCM.
 - + Bầu các cơ quan, ban dự thảo Hiến pháp...

3. Ý nghĩa

- Phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- Tạo điều kiện cả nước tiến lên CNXH.
- Bảo vệ đất nước & mở rộng quan hệ đối ngoại.

Bài 25. VIỆT NAM XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1976 - 1986)

I. ĐẤT NƯỚC BƯỚC ĐẦU ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

II. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1979)

1. Đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam

- Nguyên nhân: hành động khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam của phái Khome đỏ.
 - Diễn biến:
 - + 5/1975 - 4/1977: Xung đột biên giới lẻ tẻ: Quân Pôn Pốt tổ chức đánh chiếm Thổ Chu, Phú Quốc.
 - + 4/1977 - 1/1979: Chiến tranh quy mô lớn trên toàn biên giới Tây Nam.
 - ✓ 12/1977: Quân Pôn Pốt tổ chức đánh chiếm thị xã Tây Ninh để tiến sâu vào nội địa.
 - ✓ Việt Nam tổ chức phản công, đẩy lùi quân Pôn Pốt.
- ⇒ Chủ quyền quốc gia ở phía Tây Nam được giữ vững.

2. Đấu tranh bảo vệ biên giới phía Bắc

- Nguyên nhân:
 - + Việt Nam đánh mất sự cân bằng giữa Trung Quốc, Liên Xô.
 - + Vấn đề Hoa Kiều ở VN.
 - + Vấn đề Campuchia...
- Diễn biến:
 - + 17/2/1979: TQ cho quân đội tiến công dọc biên giới phía Bắc VN từ Quảng Ninh đến Lai Châu.
 - + 18/3/1979: Quân TQ rút khỏi VN.

Bài 26. ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)**I. ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG****1. Hoàn cảnh lịch sử**

- TG:

- + Tác động của cuộc CM KHKT & xu thế toàn cầu hóa.
- + Cuộc khủng hoảng ở Liên Xô & Đông Âu.
- + Cải cách đang là một xu thế trên TG.

- VN: lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng do những sai lầm về chủ trương, chính sách. *

2. Đường lối đổi mới

Đề ra tại Đại hội Đảng lần VI (1986)

- **Quan điểm:**

- + Không thay đổi mục tiêu của CNXH, mà làm cho mục tiêu đó có hiệu quả.
- + Đổi mới toàn diện, đồng bộ.
- + Trọng tâm là đổi mới kinh tế.

- **Nội dung:**

- + Kinh tế:
 - ✓ Xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế thị trường.
 - ✓ Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN.
 - ✓ Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- + Chính trị:
 - ✓ Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.
 - ✓ Xây dựng nền dân chủ XHCN, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.
 - ✓ Đối nội: chính sách đại đoàn kết dân tộc.
 - ✓ Đối ngoại: hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

II. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986 - 2000)**1. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1986 – 1990**

- **Mục tiêu:** 3 chương trình kinh tế:

- + Lương thực - thực phẩm.
- + Hàng tiêu dùng.
- + Xuất khẩu.

- **Thành tựu:**

- + LT-thực phẩm: đạt 21,4 triệu tấn → có dự trữ & xuất khẩu.
- + Hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng.
- + Kinh tế đối ngoại mở rộng:
 - ✓ Xuất khẩu tăng 3 lần.
 - ✓ Nhập khẩu giảm.
- + Kiểm chế được lạm phát.
- + Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

- **Ý nghĩa:**

- + Chứng tỏ đường lối đổi mới là đúng.
- + Bước đi phù hợp.

- **Hạn chế:** Kinh tế còn mất cân đối, lạm phát còn cao...

2. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1991 - 1995**3. Thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 – 2000**

Bài 27. TỔNG KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 2000**I. CÁC THỜI KÌ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ DÂN TỘC****1. Thời kì 1919 - 1930**

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp & những chuyển biến kinh tế, xã hội ở Đông Dương.
- Cuộc cạnh tranh giữa hai khuynh hướng dân chủ TS & VS để lựa chọn con đường phát triển cho dân tộc.

2. Thời kì 1930 - 1945

Quá trình vận động giải phóng dân tộc:

- Phong trào CM 1930 - 1931.
- Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939.
- Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939 1945 với đỉnh cao là CMT8.

3. Thời kì 1945 – 1954

Thực hiện 2 nhiệm vụ: kháng chiến - kiến quốc

- Bước đầu xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền cách mạng sau 2/9/1945 đến trước 19/12/1945.
- Cuộc toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

4. Thời kì 1954 - 1975

Thực hiện đồng thời 2 chiến lược cách mạng: CMXHCN ở miền Bắc, CMDTDCND ở miền Nam.

- Miền Bắc:

- + Tiến hành cải cách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất (1950 - 1960).
- + Xây dựng csvkct cho CNHX, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ, làm nghĩa vụ hậu phương với miền Nam (1961 - 1975).

- Miền Nam:

- + Giữ gìn & phát triển lực lượng, tiến tới Đồng Khởi (1954 - 1960).
- + Đấu tranh chống chiến lược chiến tranh đặc biệt, cục bộ, VN hóa chiến tranh (1961 - 1973).
- + Giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975).

5. Thời kì 1975 - 2000

Cách mạng VN chuyển sang thời kì CMXHCN trong cả nước:

- 10 năm đầu xây dựng CNXH (1976 - 1985), công cuộc Đổi mới từ năm 1986.
- Đấu tranh bảo vệ tổ quốc.

II. NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**1. Nguyên nhân thắng lợi**

- Truyền thống yêu nước, đoàn kết, đấu tranh kiên cường, cần cù của nhân dân VN.
- Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn, sáng tạo.

2. Bài học kinh nghiệm

- Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc, CNXH.
- Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do dân, vì dân.
- Không ngừng củng cố, tăng cường khối đoàn kết.
- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo thắng lợi của cách mạng VN.